

**CÔNG TY TNHH TM DV XD ĐỨC PHÁT TÀI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV XD ĐỨC PHÁT TÀI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702972844

**3. Ngày thành lập:** 16/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 46, Khu phố 8, Tổ 5, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam

Điện thoại: 0373.066.520

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, cơ khí                                                                                              | 4669                                                         |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng, máy công nghiệp, cơ khí                                                    | 4659                                                         |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                          | 4322                                                         |
| 4.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                 | 7730                                                         |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                          | 4321                                                         |
| 6.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                 | 4330                                                         |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn các loại tạp vật, đồ ngũ kim, kim khí, khí nén thuỷ lực; bán buôn sơn                                            | 4663                                                         |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép và kim loại khác (trừ vàng miếng)                                                                                          | 4662                                                         |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                     | 4299(Chính)                                                  |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                 | 4329                                                         |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                     | 3312                                                         |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                         | 3314                                                         |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                              | 4101                                                         |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                        | 4102                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                       | 4221                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                            | 4222                                                         |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                         | 4311                                                         |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                              | 4312                                                         |
| 19. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                          | 8121                                                         |
| 20. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                              | 8129                                                         |
| 21. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ TUYẾT \_\_\_\_\_ Giới tính: Nữ  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 1980 \_\_\_\_\_ Dân tộc: Kinh \_\_\_\_\_ Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
Số giấy chứng thực cá nhân: 281099411  
Ngày cấp: 29/12/2010 \_\_\_\_\_ Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Dương  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố  
Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Chỗ ở hiện tại: Số 46, Tổ 5, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình  
Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương